

Bản án số: 25 /2024/HNGĐ-ST  
Ngày: 23 - 8 - 2024  
V/v: “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

-----  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NGŨ HÀNH SƠN, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

*Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lương Thị Anh

- *Các hội thẩm nhân dân:* Ông Trần Văn Sơn.

Ông Nguyễn Tuấn Ngọc

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Quỳnh Trang - Thư ký Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, Đà Nẵng.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Ngũ Hành Sơn.TP Đà Nẵng tham gia phiên tòa:* Bà Trịnh Ngọc Thùy Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 48/2024/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 06 năm 2024 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2024/QĐST - HNGĐ ngày 6 tháng 8 năm 2024 giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị D**, sinh năm: 1967. Địa chỉ: Số F N, phường H, quận E, thành phố Hồ Chí Minh. Có đơn xin vắng mặt.

- *Bị đơn:* Ông **Huỳnh Ngọc S**, sinh năm 1951. Địa chỉ: Số D đường G, phường K, quận N, TP Đà Nẵng. Có đơn xin vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* *Ý kiến của Nguyên đơn trong đơn khởi kiện gửi đến Tòa án và quá trình tố tụng tại Tòa án:*

Bà Nguyễn Thị D và ông Huỳnh Ngọc S tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 22/6/1987 tại UBND phường N, quận A, thành phố Hồ Chí Minh. Vợ chồng chung sống đến năm 2018 thì mâu thuẫn phát sinh. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình và quan điểm sống không hợp nhau, không tin tưởng nhau về tình cảm và về kinh tế, dẫn đến tình cảm lạnh nhạt. Mâu thuẫn càng trở nên trầm trọng và cũng từ năm 2019 vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Nay bà D xác định tình cảm không còn yêu thương ông S nữa nên đề nghị được giải quyết ly hôn.

Về con chung: Huỳnh Trường A, Sinh ngày: 14/6/1989 và Huỳnh Minh H, Sinh ngày: 04/12/1990. Ly hôn hiện nay các cháu đã trưởng thành và có gia đình riêng nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

\* Bị đơn ông Huỳnh Ngọc S trong quá trình tố tụng có đơn xin vắng mặt và có ý kiến đồng ý ly hôn.

\* Tại phiên tòa hôm nay vị đại diện Viện Kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án gồm:

1. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thẩm tra viên, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Đảm bảo theo đúng quy trình tố tụng dân sự.

\* Việc tuân theo pháp luật của HĐXX, Thư ký tại phiên tòa:

Tại phiên Tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện nguyên tắc xét xử, thủ tục phiên tòa sơ thẩm theo đúng quy định tại chương II, chương XIV BLTTDS. Hội thẩm nhân dân được phân công chấp hành đúng quy định tại Điều 49 BLTTDS. Thư ký được phân công đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 51 BLTTDS.

\* Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án:

Từ khi thụ lý cho đến thời điểm này, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 71 BLTTDS. Bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 72 BLTTDS.

Căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của bà Nguyễn Thị D đối với ông Huỳnh Ngọc S.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị D được ly hôn ông Huỳnh Ngọc S.

- Về con chung: Các con chung đã đủ 18 tuổi, có gia đình riêng, không yêu cầu giải quyết nên không đề cập đến.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không đề cập.

Nguyên đơn phải chịu án phí theo qui định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và qua kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, TP.Đà Nẵng nhận định:*

[1] Về thủ tục tố tụng: Về thẩm quyền giải quyết, tranh chấp ly hôn và nuôi con chung thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị D và ông Huỳnh Ngọc S đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, Căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án Bà Nguyễn Thị D và ông Huỳnh Ngọc S có đăng ký kết hôn vào năm 1987 tại UBND phường N, quận A, thành phố Hồ Chí Minh. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình và quan điểm sống không hợp nhau, vợ chồng không tin tưởng nhau về tình cảm và cũng như về kinh tế, dẫn đến tình cảm ngày càng lạnh nhạt và từ năm 2019 vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Nay bà D xác định không còn yêu thương ông S nữa nên đề nghị được giải quyết ly hôn.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của bà D thì thấy: Hạnh phúc gia đình chỉ thực sự đạt được khi cả vợ chồng cùng có niềm tin và tình yêu, sự thông cảm và chia sẻ cùng nhau trong cuộc sống nhưng đến nay cả hai ông bà đã không còn giữ được điều này. Trong thời gian mâu thuẫn từ 2018 đến nay vợ chồng cũng không tìm kiếm được tiếng nói chung, cũng như không có giải pháp để cùng nhau dung hòa mâu thuẫn cải thiện lại quan hệ vợ chồng. Khi bà D nộp đơn yêu cầu giải quyết ly hôn, Tòa án đã triệu tập nhiều lần để hòa giải nhưng ông S đều vắng mặt. Do đó thấy mâu thuẫn của vợ chồng đã thật sự trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, thấy có níu kéo cũng không đem lại kết quả gì nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà D đối với ông S là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Đồng thời phù hợp ý kiến thể hiện đồng ý ly hôn tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt ông gửi tòa án.

[4] Về con chung: Bà D và ông S có 02 con Huỳnh Trường A, Sinh ngày: 14/6/1989 và Huỳnh Minh H, Sinh ngày: 04/12/1990. Ly hôn hiện nay các cháu đã trưởng thành và có gia đình riêng nên không yêu cầu giải quyết nên tòa án không đề cập đến.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét

[6] Án phí HNGĐ sơ thẩm: 300.000đ bà Nguyễn Thị D phải chịu khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự quận Ngũ Hành Sơn, TP Đà Nẵng theo biên lai thu số 0003303 ngày 11 tháng 06 năm 2024.

Xét đề nghị của vị Đại diện Viện Kiểm sát là phù hợp với nhận định của HĐXX nên chấp nhận.

*Vì các lẽ trên;*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận đơn khởi kiện về việc tranh chấp “ly hôn” của bà Nguyễn Thị D đối với ông Huỳnh Ngọc S.

**Xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị D được ly hôn ông Huỳnh Ngọc S (Giấy chứng nhận kết hôn ngày 22/6/1987 của UBND phường N, quận A, thành phố Hồ Chí Minh không còn hiệu lực).
2. Về con chung: Đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết.
3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.
4. Án phí HNGĐ sơ thẩm: 300.000đ bà Nguyễn Thị D phải chịu khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự quận Ngũ Hành Sơn, TP Đà Nẵng theo biên lai thu số 0003303 ngày 11 tháng 06 năm 2024.

Án xử công khai sơ thẩm báo cho nguyên đơn, bị đơn biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án .

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các điều 6,7 và điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi Hành án dân sự.

**Nơi nhân :**

- Dương sự;
- Viện KSND quận Ngũ Hành Sơn; ĐN
- Chi cục THADS quận Ngũ Hành Sơn; ĐN
- UBND phường Nguyễn Cư Trinh, quận 01 thành phố Hồ Chí Minh.
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

đã ký

**Lương Thị Anh**